TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2023/DS-ST
Ngày: 19-9-2023
V/v:"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Hiệp

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 275/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2023/QĐST- DS ngày 17 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2023/QĐST- DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Quang Thị T, sinh năm 1979

Nơi cư trú: 202/3 ấp Quí Đức B, xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre.

Đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1995 nơi cư trú số nhà 30/1, ấp QĐ, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ liên hệ: Số 105D, ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông Lê Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Ông Lê Minh T1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 51/5 ấp QĐB, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 51/5 ấp QĐB, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:*

Từ năm 2020 bà Quang Thị T có bán cho vợ chồng ông Lê Minh T1 thức ăn để nuôi tôm phát triển kinh tế gia đình. Hình thức ghi sổ thỏa thuận trả tiền thức ăn nuôi tôm thanh toán một lần sau khi kết thúc mỗi vụ nuôi. Tính đến ngày 03/7/2022 vợ chồng ông Lê Minh T1 còn nợ bà Quang Thị T số tiền 103.152.000 đồng, ông Tâm đã ký vào giấy xác nhận công nợ ngày 03/7/2022 với số tiền còn thiếu là 103.152.000 đồng. Đã nhiều lần bà Quang Thị T đến nhà cũng như gọi điện yêu cầu ông Lê Minh T1 cùng vợ là bà Nguyễn Thị T trả số tiền còn thiếu, nhưng ông Tâm bà Thi chỉ hứa trả nhưng không thực hiện.

Bà Quang Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Minh T1 cùng vợ là bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 103.152.000 đồng (Một trăm lẽ ba triệu, một trăm năm mươi hai ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 03/7/2022 đến ngày 18/5/2023 là 10 tháng với số tiền lãi tạm tính là 17.123.232 đồng. Tổng cộng là 120.275.232 đồng (Một trăm hai mươi triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi hai đồng) trong đó tiền vốn 103.152.000 đồng và 17.123.232 đồng tiền lãi.

Quá trình tố tụng, trong đơn xin xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu phần lãi suất chậm trả, chỉ yêu cầu ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Quang Thị T số tiền gốc là 103.152.000 đồng (Một trăm lẽ ba triệu, một trăm năm mươi hai ngàn đồng) không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn ông Lê Minh T1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không có bản khai hay ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Minh T1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Quang Thị T số tiền 103.152.000 đồng (Một trăm lẽ ba triệu, một trăm năm mươi hai ngàn đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Quang Thị T vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Bị đơn ông Lê Minh T1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại ấp QĐB, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Minh T1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng có mặt không rõ lý do. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Minh T có đơn đền nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Khi khởi kiện bà Quang Thị T có cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận công nợ đề ngày 03/7/2022 với số tiền nợ 103.152.000 đồng (Một trăm lẽ ba triệu, một trăm năm mươi hai ngàn đồng) có chữ ký của ông Lê Minh T1 ký xác nhận. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị T không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm giữa bà Quang Thị T với ông Lê Minh T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật nên được xem là hợp pháp. Tòa án căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp giải quyết vụ án. Do ông ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, bà Quang Thị T khởi kiện là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Việc ông Lê Minh T1 đại diện cho vợ chồng để mua thứa ăn nuôi tôm nhằm để phục vụ cho việc phát triển kinh tế gia đình trong thời kỳ hôn nhân, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, khi vợ chồng tiến hành giao dịch nhằm phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Quang Thị T số tiền 103.152.000 đồng (Một trăm lẽ ba triệu, một trăm năm mươi hai ngàn đồng) là đúng quy định của pháp luật. Ghi nhận bà Quang Thị T không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

[5] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về phần tiền lãi tính từ ngày 03/7/2022 đến ngày 18/5/2023 với số tiền lãi là 17.123.232 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn bà Quang Thị T được chấp nhận, nên ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch là 5.157.600 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, 273, 217, 218, 219, 227, 228 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quang Thị T.

Buộc ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Quang Thị T số tiền 103.152.000 đồng (Một trăm lẽ ba triệu, một trăm năm mươi hai ngàn đồng)

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quang Thị T về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi 17.123.232 đồng (Mười bảy triệu một trăm hai mươi ba ngàn hai trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới chịu 5.157.600 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 3.006.000 đồng (Ba triệu, không trăm lẽ sáu ngàn đồng) cho bà Quang Thị T (do ông Lê Minh T nộp thay) theo biên lai thu số 0006852 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Phương